

Bản án số: 01/2019/HNGĐ-ST
Ngày 24/01/2019
Về việc: Tranh chấp
hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN – TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đình Hợp

Các hội thẩm nhân dân: Ông Trần Duy Năm và bà Đỗ Thị Hằng

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Huỳnh, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Ngày 24/01/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” thụ lý số 312/2018/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2019/QĐXX-ST ngày 07 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

**> Nguyên đơn:* Anh Trịnh Mạnh T, sinh năm 1985

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Xóm K, xã MS, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa, có mặt

**> Bị đơn:* Chị Lê Thị A- Sinh năm 1995

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Xóm X, xã MD, huyện TS, tỉnh Thanh Hóa, có đơn xin xử án vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa. Nguyên đơn anh Trịnh Mạnh Tuấn trình bày: Anh T và chị A kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 08/3/2016 tại Ủy ban nhân dân xã Minh Sơn, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa, sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình quan điểm sống không hợp nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2018 đến nay, không ai quan tâm đến ai, cuộc sống của ai người đó tự lo, nay anh T xét thấy vợ chồng không còn tình cảm, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị A.

Về con chung: Anh T trình bày vợ chồng có một con chung cháu Trịnh Thúy Ng, sinh ngày 01/11/2016, từ khi vợ chồng ly thân, cháu Ng ở với chị A, nay vợ chồng ly hôn anh đề nghị chị A tiếp tục nuôi con, anh xin cấp dưỡng nuôi con mức

500.000đ/tháng, nếu chị A không nuôi hoặc không đồng ý mức cấp dưỡng nuôi con anh sẽ cho người khác nuôi con.

Về tài sản: Anh Tuấn không yêu cầu Tòa giải quyết.

Đối với bị đơn chị Lê Thị A, tại bản tự khai, các biên bản hòa giải chị A thừa nhận cơ sở kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng như anh T trình bày là đúng, vợ chồng đã sống ly thân lâu nay, không ai quan tâm đến ai, nay anh T xin ly hôn, chị cũng xét thấy tình cảm vợ chồng không thể đoàn tụ được nữa, chị đồng ý ly hôn.

Về con chung: Chị A thống nhất vợ chồng có một con chung như anh T trình bày là đúng, từ khi vợ chồng ly thân cháu Ng ở với chị, anh T không quan tâm hỏi han gì, nay vợ chồng ly hôn, chị xin tiếp tục nuôi con và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mức 2.000.000đ/tháng, vợ chồng đều khỏe mạnh đủ điều kiện nên phải có trách nhiệm nuôi con, chị không đồng ý việc anh T để cho người khác nuôi con.

Về tài sản: Chị A thống nhất như ý kiến anh T, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Anh Trịnh Mạnh T và chị Lê Thị A kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 08/3/2016 tại UBND xã Minh Sơn, huyện Triệu Sơn, nên là hôn nhân hợp pháp, quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do tính tình quan điểm không hợp nhau, mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2018 đến nay, nay vợ chồng đều xác định không còn tình cảm thương yêu nhau và thuận tình ly hôn, sự thuận tình ly hôn của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện phù hợp với tình trạng hôn nhân của vợ chồng và phù hợp với Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn của anh T và chị A.

[2] Về con chung: Vợ chồng thống nhất có một con chung cháu Trịnh Thúy Ng, sinh ngày 01/11/2016, hiện nay cháu Ng đang ở với chị A, quá trình hòa giải các đương sự thống nhất chị Ng trực tiếp nuôi con, sự thỏa thuận của các đương sự về người trực tiếp nuôi con là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với độ tuổi cháu Ng dưới 36 tháng tuổi, phù hợp với quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử công nhận việc thỏa thuận người trực tiếp nuôi con của các đương sự, giao chị A trực tiếp nuôi dưỡng con chung của vợ chồng cháu Trịnh Thúy Ng, sinh ngày 01/11/2016.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị A yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000đ/ tháng, anh T chỉ chấp nhận mức 500.000đ/tháng và trình bày nếu chị

A không chấp nhận mức cấp dưỡng 500.000đ một tháng thì anh sẽ cho người khác nuôi con.

Xét thấy chị A là người trực tiếp nuôi con và có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là có căn cứ. Cha mẹ sau khi ly hôn có trách nhiệm, nghĩa vụ chăm sóc nuôi dưỡng con chưa thành niên hoặc thành niên mất năng lực hành vi dân sự và người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa cấp dưỡng nuôi con, chị A và anh T đều đủ điều kiện nuôi con, nên phải có trách nhiệm nuôi con, việc anh T trình bày nếu chị A không chấp nhận mức cấp dưỡng nuôi con như ý kiến của anh thì anh cho người khác nuôi con là không phù hợp với ý chí nguyện vọng của các đương sự, không phù hợp với pháp luật và đạo đức xã hội. chị A đã nhận trách nhiệm nuôi con và có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên anh T phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con, quá trình hòa giải anh T thừa nhận có việc làm và thu nhập ổn định khoảng 4 đến 4,5 triệu đồng một tháng, bản thân chị A chưa có việc làm và thu nhập ổn định, việc chăm sóc nuôi dưỡng 1 cháu nhỏ dưới 36 tháng tuổi, cần phải chi phí đường sữa, tã, bỉm ăn uống, quần áo và các phát sinh khác ở điều kiện xã nông thôn bình quân khoảng từ 3 đến 4 triệu đồng, mức yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị Anh 2.000.000đ, tháng là cao so với thực tế và khả năng của anh T, do chấp nhận một phần yêu cầu cấp dưỡng của chị A buộc anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị A mỗi tháng 1.000.000.000đ, kể từ tháng 01/2019 cho đến khi cháu Ng đủ 18 tuổi, vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con, anh T được quyền đi lại, thăm nom chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

[3] Về tài sản, nợ: Các đương sự đều thống nhất không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí ly hôn 300.000đ, anh T thỏa thuận nộp toàn bộ án phí ly hôn, công nhận sự thỏa thuận này của các đương sự, anh Tuấn phải nộp 100% án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000đ.

Vì các lý lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 4 Điều 147, Điều 271, 273, 280 của Bộ luật tố Tụng dân sự; Điều 56, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a, khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý về án phí, lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh anh Trịnh Mạnh T và chị Lê Thị A.

Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Giao chị Lê Thị A trực tiếp nuôi dưỡng con chung của vợ chồng cháu Trịnh Thúy Ng, sinh ngày 01/11/2016,

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Anh mỗi tháng 1.000.000đ (một triệu đồng) kể từ tháng 01/2019 cho đến khi cháu Ng đủ 18 tuổi, vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay

đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con, anh T được quyền đi lại, thăm nom chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản và nợ: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, không yêu cầu tòa giải quyết.

Về án phí: Anh Trịnh Mạnh T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con, tổng án phí anh T phải nộp là 600.000đ được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng theo biên lai số 5260 ngày 06/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn, anh T còn phải nộp tiếp 300.000đ.

Quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết, thời hạn kháng nghị của Viện kiểm sát cùng cấp và cấp trên theo quy định của pháp luật tố tụng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Triệu Sơn
- CCTHADS huyện Triệu Sơn
- Các đương sự;
- UBND xã Minh Sơn;
- Lưu hồ sơ.

Lê Đình Hợp